Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Building a better working world

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 46

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Đỗ Xuân Diện	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên	
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2021
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2021
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	miễn nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2021

Ông Nguyễn Hoàng Phi được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 02/21/GUQ-TGĐ HAGL Agrico ngày 20 tháng 3 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đề ngày 6 tháng 9 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 6 tháng 9 năm 2021

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61280353/22630158/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 6 tháng 9 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811802-C.T.N.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 9 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**8.990.319.230**	**8.820.918.764**
110	***I. Tiền***	***4***	***10.257.319***	***7.719.915***
111	1. Tiền		10.257.319	7.719.915
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***8.833.693.296***	***8.678.532.010***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.940.627.204	3.534.949.190
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.059.925.047	1.291.579.744
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	27	1.518.409.847	1.528.275.548
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.341.858.966	2.335.435.321
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(27.127.768)	(11.707.793)
140	***III. Hàng tồn kho***	***8***	***75.478.895***	***80.011.381***
141	1. Hàng tồn kho		76.224.565	83.850.741
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(745.670)	(3.839.360)
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***70.889.720***	***54.655.458***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.701.441	94.885
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	68.901.891	54.274.185
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	286.388	286.388
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**15.784.830.851**	**15.978.915.798**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***10.866.730.906***	***6.691.427.233***
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	4.149.882.400	-
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	27	5.348.025.486	5.341.046.797
216	3. Phải thu dài hạn khác	7	1.368.823.020	1.350.380.436
220	***II. Tài sản cố định***		***62.961.541***	***66.589.123***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	57.853.624	61.107.456
222	Nguyên giá		76.839.043	77.225.276
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(18.985.419)	(16.117.820)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	5.107.917	5.481.667
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(872.083)	(498.333)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***5.624.967***	***5.624.967***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.624.967	5.624.967
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***12***	***4.844.669.111***	***9.209.077.973***
251	1. Đầu tư vào các công ty con		4.656.069.865	9.625.832.393
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(100.000.000)	(705.353.666)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***4.844.326***	***6.196.502***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		4.844.326	6.196.502
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**24.775.150.081**	**24.799.834.562**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**12.761.972.026**	**12.638.602.864**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***9.466.769.454***	***8.928.768.596***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	535.867.046	649.293.236
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	14.194.868	68.279.069
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	50.285	483.849
314	4. Phải trả người lao động		2.185.912	6.836.589
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	437.299.266	403.053.261
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	611.178.587	1.121.211.542
320	7. Vay ngắn hạn	18	7.865.993.490	6.679.611.050
330	***II. Nợ dài hạn***		***3.295.202.572***	***3.709.834.268***
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	15	174.377.025	185.916.164
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	260.021.087	661.265.916
338	3. Vay dài hạn	18	2.860.804.460	2.862.652.188
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**12.013.178.055**	**12.161.231.698**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***19.1***	***12.013.178.055***	***12.161.231.698***
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*11.085.538.950*	*11.085.538.950*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế		(242.487.895)	(94.434.252)
421a	*- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước*		*(94.434.252)*	*(68.715.644)*
421b	*- Lỗ kỳ này*		*(148.053.643)*	*(25.718.608)*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**24.775.150.081**	**24.799.834.562**

Trương Thị Trúc Thiên Trang	Hồ Thị Tuyết Loan	Nguyễn Hoàng Phi
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
10	**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20.1	**755.689.784**	**1.169.043.163**
11	**2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	21	**(692.066.185)**	**(1.074.798.327)**
20	**3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp**		**63.623.599**	**94.244.836**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	20.2	**327.478.909**	**354.568.040**
22	**5. Chi phí tài chính**	22	**(423.238.345)**	**(362.108.065)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(143.756.216)*	*(309.680.374)*
25	**6. Chi phí bán hàng**	23	**(65.540.753)**	**(59.093.638)**
26	**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	23	**(51.803.377)**	**(20.168.224)**
30	**8. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(149.479.967)**	**7.442.949**
31	**9. Thu nhập khác**	24	**2.085.140**	**-**
32	**10. Chi phí khác**	24	**(658.816)**	**(20.066)**
40	**11. Lợi nhuận/(lỗ) khác**	24	**1.426.324**	**(20.066)**
50	**12. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(148.053.643)**	**7.422.883**
51	**13. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	26.1	**-**	**-**
60	**14. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN**		**(148.053.643)**	**7.422.883**

Trương Thị Trúc Thiên Trang	Hồ Thị Tuyết Loan	Nguyễn Hoàng Phi
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**(Lỗ)/lợi nhuận lỗ kế toán trước thuế**		**(148.053.643)**	**7.422.883**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	3.590.640	3.204.366
03	Dự phòng		12.326.285	34.611.292
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		10.825.690	9.902.886
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(64.808.563)	(354.372.055)
06	Chi phí lãi vay	22	143.756.216	309.680.374
08	**(Lỗ)/lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(42.363.375)**	**10.449.746**
09	Tăng các khoản phải thu		(153.410.853)	(2.392.535.698)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		7.626.176	(33.787.493)
11	Giảm các khoản phải trả		(857.346.374)	(30.215.559)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(254.380)	326.894
14	Tiền lãi vay đã trả		(119.582.644)	(153.390.422)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(1.165.331.450)**	**(2.599.152.532)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(52.297.649)	(6.069.250)
23	Tiền chi cho vay		-	(573.975.924)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	527.288.356
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con		(41.627.543)	(491.444.428)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty con		251.644.988	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay		7.418	46.039.849
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ /(sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**157.727.214**	**(498.161.397)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	1.935.191.795	4.572.039.930
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(925.006.442)	(1.477.302.993)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**1.010.185.353**	**3.094.736.937**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**2.581.117**	**(2.576.992)**
60	**Tiền đầu kỳ**		**7.719.915**	**43.933.270**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(43.713)	(2.348)
70	**Tiền cuối kỳ**	**4**	**10.257.319**	**41.353.930**

Trương Thị Trúc Thiên Trang	Hồ Thị Tuyết Loan	Nguyễn Hoàng Phi
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 9 năm 2021

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900712753 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại SGDCKHCM theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết, và một (1) chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

Tên công ty	*Trụ sở*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)*
Công ty con			
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM Lào")	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HA Attapeu")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri ("HA Rattanakiri")	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers ("Heng Brothers")	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav ("HA Oyadav")	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH CRD ("CRD")	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai ("XNK HAGL")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Bình Định, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14
Chi nhánh hạch toán phụ thuộc			
(1) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-

Hoạt động trong kỳ hiện tại của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 81 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 115).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 1 và TM số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đề ngày 6 tháng 9 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của của Nhóm Công ty.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 148.053.643 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 242.487.895 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 476.450.224 ngàn VND. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Công ty đã vi phạm điều khoản vay như được trình bày tại TM số 18.4 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Đặc biệt là vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty cũng đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO"), qua đó, THACO cam kết sẽ hỗ trợ Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Công ty. Ngoài ra, vào ngày 1 tháng 6 năm 2019, Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu Nông sản với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THAGRICO"), qua đó, THAGRICO hỗ trợ mua và phân phối nông sản của Công ty. Bên cạnh đó, vào ngày lập báo cáo tổng hợp giữa niên độ này, Công ty và THAGRICO đang trong quá trình làm việc để thống nhất phương án xử lý các khoản phải thu từ việc thanh lý đầu tư và các khoản phải trả bao gồm các khoản nợ vay và các khoản phải trả khác giữa hai (2) công ty nhằm đảm rằng các khoản nợ đến hạn phải trả cho THAGRICO sẽ được xử lý thông qua hình thức cấn trừ công nợ và không ảnh hưởng đến dòng tiền hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cở sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phi khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản mang lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.15 *Bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Tiền mặt	46.513	680.896
Tiền gửi ngân hàng	10.210.806	7.039.019
TỔNG CỘNG	**10.257.319**	**7.719.915**

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Ngắn hạn	**2.940.627.204**	**3.534.949.190**
Phải thu từ các bên liên quan *(TM số 27)*	2.841.030.377	3.397.246.666
- Phải thu thanh lý khoản đầu tư (*)	*1.880.315.865*	*2.350.000.000*
- Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	*960.714.512*	*1.047.246.666*
Phải thu từ các bên khác	99.596.827	137.702.524
- Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Cánh Đồng Vàng	*24.541.653*	*24.541.653*
- Zhengzhou Tai Wang Import and Export Trade Co., Ltd	*19.950.977*	*20.434.347*
- Ông Trần Trọng Hùng	-	*24.688.845*
- Khách hàng khác	*55.104.197*	*68.037.679*
Dài hạn	**4.149.882.400**	**-**
Phải thu từ bên liên quan thanh lý khoản đầu tư *(*) (TM số 27)*	4.149.882.400	-
TỔNG CỘNG	**7.090.509.604**	**3.534.949.190**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(27.127.768)	(11.707.793)
GIÁ TRỊ THUẦN	**7.063.381.836**	**3.523.241.397**

(*) Số dư thể hiện khoản phải thu THAGRICO liên quan đến việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty Cổ phần An Đông Mia ("An Đông Mia"), Công ty TNHH MTV Cao su Hoàng Anh Quang Minh ("HAQM Việt Nam"), Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk ("HA Đắk Lắk") và Công ty TNHH MTV Bò sữa Tây Nguyên ("Bò sữa Tây Nguyên"). Như trình bày tại TM số 2.6 và TM số 30, vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình làm việc với THAGRICO để thống nhất phương án xử lý các khoản công nợ phải thu từ việc thanh lý đầu tư và khoản nợ phải trả bao gồm các khoản nợ vay và các công nợ phải trả khác giữa hai (2) công ty.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
Số đầu kỳ	11.707.793	15.448.274
Dự phòng trích lập trong kỳ	21.682.946	-
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(6.262.971)	-
Số cuối kỳ	27.127.768	15.448.274

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Trả trước cho các bên liên quan *(TM số 27)*	2.053.320.297	1.263.733.707
Trả trước cho các bên khác	6.604.750	27.846.037
- Doanh nghiệp Tư nhân Châu Hồng Phúc	*2.075.410*	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	*1.622.899*	*12.919.700*
- Công ty TNHH Thực Phẩm Hữu Cơ Việt Nam	*1.499.960*	-
- Khác	*1.406.481*	*14.926.337*
TỔNG CỘNG	**2.059.925.047**	**1.291.579.744**

7. PHẢI THU KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Ngắn hạn	**2.341.858.966**	**2.335.435.321**
Phải thu các bên liên quan từ việc cấn trừ công nợ	1.810.260.607	1.776.073.056
Phải thu lãi cho vay	284.513.172	240.163.718
Chi hộ	221.478.505	283.936.831
Khác	25.606.682	35.261.716
Dài hạn	**1.368.823.020**	**1.350.380.436**
Phải thu lãi cho vay	1.339.171.343	1.221.688.650
Khác	29.651.677	128.691.786
TỔNG CỘNG	**3.710.681.986**	**3.685.815.757**
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 27)	*2.316.252.284*	*2.300.898.116*
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 27)	*1.368.823.020*	*1.350.380.436*
Phải thu các bên thứ ba	*25.606.682*	*34.537.205*

8. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Hàng hóa	49.073.496	60.100.194
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.909.649	21.298.794
Nguyên vật liệu	3.546.537	1.077.957
Công cụ, dụng cụ	1.694.883	1.373.796
TỔNG CỘNG	**76.224.565**	**83.850.741**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(745.670)	(3.839.360)
GIÁ TRỊ THUẦN	**75.478.895**	**80.011.381**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
Số đầu kỳ	3.839.360	4.518.686
Hoàn nhập trong kỳ	(3.093.690)	-
Số cuối kỳ	745.670	4.518.686

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận chuyển*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	40.659.868	26.975.641	6.621.052	2.968.715	77.225.276
Mua mới	-	140.000	716.440	36.960	893.400
Thanh lý	(878.879)	(361.254)	-	(39.500)	(1.279.633)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	39.780.989	26.754.387	7.337.492	2.966.175	76.839.043
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	*614.167*	*3.581.673*	*281.274*	*4.477.114*
Khấu hao lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	4.767.254	5.465.860	4.914.133	970.573	16.117.820
Khấu hao trong kỳ	1.351.710	1.312.710	284.428	268.042	3.216.890
Thanh lý	(165.137)	(175.596)	-	(8.558)	(349.291)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	5.953.827	6.602.974	5.198.561	1.230.057	18.985.419
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	35.892.614	21.509.781	1.706.919	1.998.142	61.107.456
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	33.827.162	20.151.413	2.138.931	1.736.118	57.853.624

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VND

	Chương trình phần mềm
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 30 tháng 6 năm 2021	5.980.000
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	498.333
Hao mòn trong kỳ	373.750
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	872.083
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.481.667
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	5.107.917

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Chi phí xây dựng kho và nhà máy đông lạnh	5.624.967	5.624.967

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Đầu tư vào các công ty con *(TM số 12.1)*	4.656.069.865	9.625.832.393
Đầu tư vào công ty liên kết *(TM số 12.2)*	286.004.636	286.004.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *(TM số 12.3)*	2.594.610	2.594.610
TỔNG CỘNG	**4.944.669.111**	**9.914.431.639**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(100.000.000)	(705.353.666)
GIÁ TRỊ THUẦN	**4.844.669.111**	**9.209.077.973**

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 *Đầu tư vào công ty con*

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	*Giá gốc đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết*	*Giá gốc đầu tư*	*Dự phòng*
		%	*Ngàn VND*	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*	*Ngàn VND*
HA Attapeu	Trồng cây công, nông nghiệp và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
HAQM Lào	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	1.081.159.132	-	100,00	1.081.159.132	-
HA Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.987.719	-	100,00	943.987.719	-
HA Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	429.893.454	-	100,00	388.265.911	-
XNK HAGL	Thương mại	100,00	100.000.000	(100.000.000)	100,00	100.000.000	(100.000.000)
HAQM Việt Nam *(*)*	Trồng cây công, nông nghiệp	-	-	-	100,00	3.365.986.867	-
HA Đắk Lắk *(*)*	Trồng cây công, nông nghiệp	-	-	-	99,96	1.024.313.155	(178.158.008)
Bò sữa Tây Nguyên *(*)*	Trồng cây nông nghiệp	-	-	-	100,00	621.090.049	(427.195.658)
TỔNG CỘNG			**4.656.069.865**	**(100.000.000)**		**9.625.832.393**	**(705.353.666)**

(*) Vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong HAQM Việt Nam, HA Đắk Lắk, và Bò sữa Tây Nguyên cho THAGRICO theo các Hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 8 tháng 1 năm 2021, với tổng giá trị chuyển nhượng là 4.149.882.400 ngàn VND. Các giao dịch chuyển nhượng này đã được thông qua theo Nghị quyết HĐQT số 0601/21/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 6 tháng 1 năm 2021.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 *Đầu tư vào công ty liên kết*

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	*Giá trị đầu tư*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết*	*Giá trị đầu tư*
		%	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

12.3 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	*Giá trị đầu tư*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết*	*Giá trị đầu tư*
		%	*Ngàn VND*	*%*	*Ngàn VND*
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	15,00	2.594.610

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Phải trả cho các bên liên quan *(TM số 27)*	507.195.997	578.819.180
Phải trả cho các bên khác	28.671.049	70.474.056
- *Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ H&K*	*6.466.120*	-
- *Công ty Cổ phần Cánh Đồng Vàng Lạng Sơn*	*3.963.450*	-
- *Khác*	*18.241.479*	*70.474.056*
TỔNG CỘNG	**535.867.046**	**649.293.236**

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Nhận ứng trước của bên liên quan *(TM số 27)*	11.687.970	44.310.775
Nhận ứng trước của các bên khác	2.506.898	23.968.294
- *Dalian Chun Wan Yi Supply Chain Management Co., Ltd*	*692.760*	-
- *Barba Import and Export Agents (Dalian) Co., Ltd*	*688.200*	-
- *Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Long*	-	*10.788.250*
- *Khác*	*1.125.938*	*13.180.044*
TỔNG CỘNG	**14.194.868**	**68.279.069**

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Ngắn hạn	**437.299.266**	**403.053.261**
Chi phí lãi vay	260.087.626	226.894.569
Chi phí hoạt động	152.450.400	152.450.400
Khác	24.761.240	23.708.292
Dài hạn	**174.377.025**	**185.916.164**
Chi phí lãi vay	174.377.025	185.916.164
TỔNG CỘNG	**611.676.291**	**588.969.425**
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)	*185.606.936*	*148.927.488*
Phải trả các bên khác	*426.069.355*	*440.041.937*

16. PHẢI TRẢ KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Ngắn hạn	**611.178.587**	**1.121.211.542**
Phải trả các bên liên quan từ việc cấn trừ công nợ	594.327.748	987.958.066
Thu hộ	-	78.333.840
Phải trả khác	16.850.839	54.919.636
Dài hạn	**260.021.087**	**661.265.916**
Phải trả các bên liên quan từ việc cấn trừ công nợ	223.481.148	424.907.998
Mượn tiền	36.539.939	236.357.918
TỔNG CỘNG	**871.199.674**	**1.782.477.458**
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)	*594.327.748*	*1.078.367.473*
Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 27)	*223.481.148*	*424.907.998*
Phải trả các bên khác	*53.390.778*	*279.201.987*

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Ngàn VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	*Số tăng trong kỳ*	*Số giảm trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	54.274.185	27.513.186	(12.885.480)	68.901.891
Thuế thu nhập doanh nghiệp *(TM số 26.1)*	285.831	-	-	285.831
Thuế khác	557	1.045.120	(1.045.120)	557
TỔNG CỘNG	**54.560.573**	**28.558.306**	**(13.930.600)**	**69.188.279**
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	483.849	433.022	(866.586)	50.285

18. VAY

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Ngắn hạn	**7.865.993.490**	**6.679.611.050**
Vay ngắn hạn các bên liên quan *(TM số 18.1 và 27)*	6.383.973.741	5.158.215.316
Vay ngắn hạn ngân hàng *(TM số 18.2)*	1.159.987.748	1.200.749.776
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả *(TM số 18.3)*	198.566.554	196.846.419
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả *(TM số 18.4)*	123.465.447	123.799.539
Dài hạn	**2.860.804.460**	**2.862.652.188**
Vay dài hạn bên liên quan *(TM số 18.5 và 27)*	2.001.191.815	2.001.191.815
Vay dài hạn ngân hàng *(TM số 18.4)*	859.612.645	861.460.373
TỔNG CỘNG	**10.726.797.950**	**9.542.263.238**

Tình hình tăng giảm các khoản vay và trái phiếu như sau:

Ngàn VND

	Vay ngắn hạn	*Vay dài hạn*	*Tổng cộng*
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	6.679.611.050	2.862.652.188	9.542.263.238
Tiền thu từ đi vay	1.935.191.795	-	1.935.191.795
Tiền chi trả nợ gốc vay	(925.006.442)	-	(925.006.442)
Cấn trừ công nợ	174.811.042	-	174.811.042
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.720.135	-	1.720.135
Chênh lệch tỷ giá	(334.090)	(1.847.728)	(2.181.818)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	7.865.993.490	2.860.804.460	10.726.797.950

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)

Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ các bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất*
	Ngàn VND		*%/năm*
THAGRICO	6.281.980.902	Từ ngày 31 tháng 8 năm 2021 đến ngày 25 tháng 12 năm 2021	0,00 -10,50
Công ty Cổ phần Giao nhận Quốc tế Trường Hải ("THILOGI")	66.507.383	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 1 tháng 3 năm 2022	4,00
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG")	35.485.456	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	0,00
TỔNG CỘNG	**6.383.973.741**		

18. VAY (tiếp theo)

18.2 *Vay ngắn hạn ngân hàng*

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021* *Ngàn VND*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất* *%/năm*	*Mục đích*	*Tài sản đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank"), Chi nhánh Hà Nội	599.787.755	Từ ngày 9 tháng 8 năm 2021 đến ngày 29 tháng 3 năm 2022	Lãi suất thay đổi hàng quý bằng lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TPBank + 3,20%/năm (6 tháng 2021: 10,35 -10,50)	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây (chuối, thanh long) và mủ cao su	- Tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern, (Campuchia), công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tô nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, diện tích 925 ha; - Quyền khai thác, tài sản gắn liền 453,7 ha đất trồng trái cây tại Bản Huội Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào và quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("Đại Thắng"), công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT; và - Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 295,7 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Khăn Xây, công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank"), Chi nhánh Đồng Nai	560.199.993	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2021 đến ngày 27 tháng 6 năm 2022	9,55 - 10,00	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh	- 76.375.000 cổ phiếu HNG sở hữu của HAG; và - Quyền sử dụng và khai thác 7,926 ha cao su, và cọ dầu tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của HA Lumphat; công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT.
TỔNG CỘNG	**1.159.987.748**				

18. VAY (tiếp theo)

18.3 Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả

Chi tiết vay dài hạn trái phiếu thường vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	*Trái chủ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất*	*Mục đích*	*Tài sản thế chấp*
		Ngàn VND		*%/năm*		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong *(*)*	Cá nhân	200.000.000	Ngày 4 tháng 12 năm 2021	9,50	Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Công ty	Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và quyền khai thác vườn trái cây diện tích 498,28 ha tại Xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Xã Ia Pếch, Huyện Ia Grai, Làng A, Xã Gào, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Bò sữa Tây Nguyên, công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT.
Chi phí phát hành trái phiếu		(1.433.446)				
TỔNG CỘNG		**198.566.554**				
Trong đó:						
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả		*198.566.554*				

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Bò sữa Tây Nguyên cho THAGRICO. Vào ngày của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty và THAGRICO đang trong quá trình làm hồ sơ chuyển đổi tài sản thế chấp.

18. VAY (tiếp theo)

18.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Nguyên tệ*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất*	Mục đích vay	*Tài sản đảm bảo*
	Ngàn VND	*USD*		*%/năm*		
BIDV, Chi nhánh Gia Lai	720.623.488	31.168.836	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (6 tháng 2021: 7,20)	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào	Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất bao gồm vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu.
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn (*)	262.454.604	-	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2021 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của Sacombank hạn 13 tháng lãi trả sau + 2%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (6 tháng 2021: 8,95)	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Campuchia	23,2 triệu cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức và 14,5 triệu cổ phiếu HAQM Việt Nam thuộc sở hữu của THAGRICO.
TỔNG CỘNG	**983.078.092**	**31.168.836**				
Trong đó:						
Vay dài hạn	*859.612.645*	*26.396.109*				
Vay dài hạn đến hạn trả	*123.465.447*	*4.772.727*				

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, diện tích trồng cây cao su thực tế tại các công ty con của Công ty là 2.429 ha đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 9.000 ha. Ngoài ra, Công ty chưa mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo theo như cam kết trong Hợp đồng Tín dụng.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong HAQM Việt Nam cho THAGRICO. Vào ngày của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty và THAGRICO đang trong quá trình làm hồ sơ chuyển đổi tài sản thế chấp.

18. VAY (tiếp theo)

18.5 *Vay dài hạn bên liên quan*

Công ty vay tín chấp dài hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất*
	Ngàn VND		*%/năm*
HAG	2.001.191.815	Từ ngày 1 tháng 8 năm 2022 đến 1 tháng 2 năm 2023	0,00

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lỗ lũy kế*	*Ngàn VND* *Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020				
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	11.085.538.950	1.170.127.000	(67.515.644)	12.188.150.306
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	7.422.883	7.422.883
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	11.085.538.950	1.170.127.000	(60.092.761)	12.195.573.189
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	11.085.538.950	1.170.127.000	(94.434.252)	12.161.231.698
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(148.053.643)	(148.053.643)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	11.085.538.950	1.170.127.000	(242.487.895)	12.013.178.055

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 *Cổ phiếu*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
	Cổ phiếu	*Cổ phiếu*
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
Cổ phiếu phổ thông	*1.108.553.895*	*1.108.553.895*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Cổ phiếu phổ thông	*1.108.553.895*	*1.108.553.895*

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU

20.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
Doanh thu bán hàng hóa	375.354.232	436.312.063
Doanh thu bán trái cây	283.809.227	529.338.646
Doanh thu bán mủ cao su	74.206.770	63.106.713
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.319.555	140.285.741
TỔNG CỘNG	**755.689.784**	**1.169.043.163**

20.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
Lãi tiền cho vay	322.758.173	354.331.245
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.418	40.810
Khác	4.713.318	195.985
TỔNG CỘNG	**327.478.909**	**354.568.040**

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
Giá vốn hàng hóa	346.996.901	385.877.937
Giá vốn trái cây đã bán	247.768.196	490.793.812
Giá vốn mủ cao su đã bán	73.142.613	61.100.198
Giá vốn cung cấp dịch vụ	24.158.475	137.026.380
TỔNG CỘNG	**692.066.185**	**1.074.798.327**

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
Lỗ thanh lý công ty con	257.905.083	-
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	143.756.216	309.680.374
Lỗ chênh lệch tỷ giá	21.577.046	10.219.804
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	34.611.292
Khác	-	7.596.595
TỔNG CỘNG	**423.238.345**	**362.108.065**

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
Chi phí bán hàng	**65.540.753**	**59.093.638**
Chi phí vận chuyển	61.859.588	36.184.450
Chi phí nhân viên	2.858.775	5.133.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	808.663	17.279.695
Khác	13.727	495.889
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**51.803.377**	**20.168.224**
Dự phòng phải thu khó đòi	38.311.095	-
Chi phí nhân viên	3.843.330	13.452.633
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	835.168	679.068
Khác	8.813.784	6.036.523
TỔNG CỘNG	**117.344.130**	**79.261.862**

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
Thu nhập khác	**2.085.140**	-
Nhận hỗ trợ	1.290.000	-
Khác	795.140	-
Chi phí khác	**(658.816)**	**(20.066)**
Lỗ thanh lý tài sản cố định	(51.945)	-
Các khoản phạt	-	(14.805)
Khác	(606.871)	(5.261)
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC	**1.426.324**	**(20.066)**

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
Chi phí giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	688.475.545	1.074.798.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.051.666	56.177.339
Dự phòng phải thu khó đòi	38.311.095	-
Chi phí nhân công	6.702.105	18.586.237
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định *(TM số 9 và 10)*	3.590.640	3.204.366
Khác	1.279.264	1.293.920
TỔNG CỘNG	**809.410.315**	**1.154.060.189**

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 *Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế):

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	**(148.053.643)**	**7.422.883**
Các điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	31.703.620	36.689.735
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.657.659	-
(Lỗ tính thuế)/thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ	**(100.692.364)**	**44.112.618**
Lỗ chuyển sang các kỳ sau	100.692.364	-
Lỗ chuyển sang từ các kỳ trước	-	(44.112.618)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	**-**	**-**
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	**(285.831)**	**(285.831)**

26.2 *Lỗ tính thuế*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lỗ tính thuế của kỳ hiện tại. Lỗ tính thuế của Công ty khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

26.3 *Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng năm (5) năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.404.292.805 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.303.600.441 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong trong tương lai. Chi tiết như sau:

Ngàn VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*		*Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021*
2016	2021	191.649.115	(*)	(92.311.989)	-	99.337.126
2018	2023	11.091.234	(*)	-	-	11.091.234
2019	2024	1.193.172.081	(*)	-	-	1.193.172.081
2021	2026	100.692.364	(**)	-		100.692.364
TỔNG CỘNG		**1.496.604.794**		**(92.311.989)**	**-**	**1.404.292.805**

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(**) Lỗ tính thuế ước tính bởi Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 *Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước* (tiếp theo)

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 1.405.823.782 ngàn VND do không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chuyển nhượng công ty con	4.149.882.400	-
		Vay	1.526.625.042	2.748.877.212
		Cấn trừ công nợ	358.185.042	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	338.331.431	185.929.704
		Trả gốc vay	184.000.000	-
		Lãi vay	34.223.559	24.082.509
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.870.424	140.643.853
		Ứng trước mua hàng hóa	-	1.051.745.400
		Nhận tạm ứng mua hàng hóa	-	442.000.000
HA Attapeu	Công ty con	Cấn trừ công nợ	421.022.056	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	339.814.459	225.929.294
		Mua hàng hóa	255.714.806	148.316.061
		Lãi cho vay	175.739.106	177.934.326
		Chi hộ	38.171.698	35.958.961
		Cho vay	-	6.619.438
THILOGI	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay, mượn	104.559.383	-
		Mua dịch vụ	74.104.387	20.710.411
		Trả gốc vay, mượn	21.426.000	-
		Lãi vay	1.439.681	-
HA Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	45.310.707	45.561.043
HA Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	42.309.200	44.071.750
		Góp vốn	41.627.543	-
		Cấn trừ công nợ	30.154.260	-
		Chi hộ	10.805.319	136.357
		Bán hàng hóa	10.687.160	81.940.275
		Mua hàng hóa	5.582.491	8.704.581

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
XNK HAGL	Công ty con	Cấn trừ công nợ	35.886.064	-
		Mua dịch vụ	395.140	7.568.121
		Mua hàng hóa	101.648	6.945.065
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	27.857.570	12.987.903
		Mua hàng hóa	19.030.657	14.425.190
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	12.425.708	8.928.907
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	23.107.191	21.573.911
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.619.409	10.020.134
		Cho vay, mượn	-	415.254.509
		Mua hàng hóa	-	6.641.575
CRD	Công ty con	Mua hàng hóa	17.977.753	-
		Bán hàng hóa	9.195.630	-
An Đông Mia	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	7.674.389	2.646.305
		Cho vay	-	268.089.829
HAG	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa, tài sản	1.411.484	4.868.197
		Cho mượn	-	693.722.421
		Vay	-	154.101.500
		Chi phí lãi vay	-	106.654.726
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	20.500.373
HAQM Việt Nam	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	760.012	29.756.102
		Cho vay, mượn	-	444.719.281
THACO	Cổ đông lớn	Vay	-	1.041.618.877
		Chi phí lãi vay	-	90.117.993
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas ("HA An Đông Meas")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	271.257.613
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	91.619.964
		Lãi cho vay	-	18.361.378
		Chi hộ	-	5.609.814

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat ("HA Lumphat")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	98.878.489
		Mua hàng hóa	-	82.029.080
Công ty TNHH MTV Cao Su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	-	102.280.366
HA Đắk Lắk	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	28.559.032
		Bán hàng hóa	-	7.697.350

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
***Phải thu ngắn hạn của khách hàng** (TM số 5)*				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chuyển nhượng công ty con	1.880.315.865	2.350.000.000
		Bán hàng hóa	2.105.516	280.542.963
HA Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	812.098.737	633.101.360
HA Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa	92.723.572	93.181.868
HAQM Lào	Công ty con	Bán hàng hóa	42.068.130	29.770.527
CRD	Công ty con	Bán hàng hóa	9.270.066	-
HAG	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	1.462.049	5.777.094
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	444.497	2.695.102
HA An Đông Meas	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	436.196	437.909
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	105.749	1.739.843
TỔNG CỘNG			**2.841.030.377**	**3.397.246.666**

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
***Trả trước cho người bán ngắn hạn** (TM số 6)*				
HA Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	1.015.878.312	249.896.170
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	614.865.829	562.744.354
HA Đắk Lắk *(*)*	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	251.493.678	251.335.334
XNK HAGL	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	170.683.469	184.291.125
HA Lumphat	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	399.009	399.009
HA An Đông Meas	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	8.629.747
Đại Thắng	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	5.434.295
Bò sữa Tây Nguyên *(*)*	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	1.003.673
TỔNG CỘNG			**2.053.320.297**	**1.263.733.707**
***Phải thu về cho vay ngắn hạn** (**)*				
HA Attapeu	Công ty con	Cho vay	728.053.755	858.792.408
HA Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	270.556.953	149.684.000
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	234.617.379	234.617.379
An Đông Mia	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	154.759.772	154.759.773
HA Oyadav	Công ty con	Cho vay	86.253.000	86.253.000
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	28.530.000	28.530.000
HAQM Việt Nam *(*)*	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	15.638.988	15.638.988
TỔNG CỘNG			**1.518.409.847**	**1.528.275.548**

(*) Như trình bày tại TM số 12.1, vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong các công ty này cho THAGRICO. Theo đó, vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, các công ty này không còn là Công ty con của Công ty.

(**) Cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay tín chấp các bên liên quan với thời hạn hoàn trả đến từ ngày 20 tháng 7 năm 2021 đến ngày 11 tháng 6 năm 2022, và với lãi suất trung bình từ 8,00%/năm đến 11,85%/năm.

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
***Phải thu ngắn hạn khác** (TM số 7)*				
HA Attapeu	Công ty con	Cấn trừ công nợ	1.374.286.867	1.256.929.644
		Lãi cho vay	211.761.282	175.851.926
		Chi hộ	202.561.559	242.725.319
HA An Đông Meas	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cấn trừ công nợ	397.371.154	487.108.443
		Chi hộ	-	13.094.640
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	59.385.881	47.169.708
		Chi hộ	18.802.729	18.941.715
HA Lumphat	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cấn trừ công nợ	38.602.586	32.014.721
An Đông Mia	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cấn trừ công nợ	10.421.484	2.747.095
HAQM Việt Nam	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	2.944.525	2.184.513
HA Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	-	8.633.173
		Chi hộ	-	539.227
		Cấn trừ công nợ	-	20.249
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi hộ	-	6.037.200
		Lãi cho vay	-	172.352
HA Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	-	3.404.950
		Chi hộ	-	43.711
CRD	Công ty con	Chi hộ	-	1.930.415
HAG	Cổ đông lớn	Cho mượn	-	680.800
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Chi hộ	114.217	668.315
TỔNG CỘNG			**2.316.252.284**	**2.300.898.116**
***Phải thu dài hạn của khách hàng** (TM số 5)*				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chuyển nhượng công ty con	4.149.882.400	-
***Phải thu về cho vay dài hạn** (*)*				
HA Attapeu	Công ty con	Cho vay	3.250.154.667	3.122.303.026
HA Oyadav	Công ty con	Cho vay	762.449.593	762.449.593
HA Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	535.351.401	656.224.354
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	415.254.510	415.254.509
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	384.815.315	384.815.315
TỔNG CỘNG			**5.348.025.486**	**5.341.046.797**

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

(*) Cho vay dài hạn thể hiện các khoản cho vay tín chấp các bên liên quan với thời hạn hoàn trả từ ngày 1 tháng 8 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 và với lãi suất trung bình từ 7,20%/năm đến 11,85%/năm.

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
***Phải thu dài hạn khác** (TM số 7)*				
HA Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	1.272.629.119	1.134.016.590
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	30.698.909	15.057.513
		Chi hộ	29.651.677	128.691.786
HAQM Việt Nam	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	30.700.993	30.700.993
An Đông Mia	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	5.142.322	5.142.322
HA Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	-	19.625.906
HA Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	-	13.442.166
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	-	3.703.160
TỔNG CỘNG			**1.368.823.020**	**1.350.380.436**
***Phải trả người bán ngắn hạn** (TM số 13)*				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và vật tư	395.343.579	288.482.220
HA Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	68.678.181	-
THILOGI	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	28.054.148	100.834.613
CRD	Công ty con	Mua hàng hóa	6.947.867	1.715.132
HA Oyadav	Công ty con	Mua hàng hóa	3.571.682	12.794.233
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	3.267.956	-
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	811.524	-
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	474.583	1.303.322
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.617	78.846.438

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
***Phải trả người bán ngắn hạn** (TM số 13)* (tiếp theo)				
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	28.686.188
Chi nhánh Chế Biến Hoa Quả - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	26.283.627
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	14.657.067
Chi nhánh Nguyên Vật Liệu - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	10.747.148
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chu Lai - Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	10.202.681
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	1.994.000
Chi nhánh Khách sạn - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	1.354.368
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	44.860	918.143
TỔNG CỘNG			**507.195.997**	**578.819.180**
***Người mua trả tiền trước ngắn hạn** (TM số 14)*				
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Tạm ứng mua hàng hóa	11.687.970	44.310.775
***Chi phí phải trả ngắn hạn** (TM số 15)*				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay	183.151.048	148.927.488
		Mua dịch vụ	1.676.870	-
THILOGI	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	530.300	-
		Lãi vay	248.718	-
TỔNG CỘNG			**185.606.936**	**148.927.488**

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Phải trả ngắn hạn khác *(TM số 16)*				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cấn trừ công nợ Thu hộ	437.242.580 -	636.242.848 78.333.840
HA Rattanakiri	Công ty con	Cấn trừ công nợ	154.536.378	223.317.140
Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cấn trừ công nợ	1.898.019	9.647.776
THACO	Cổ đông lớn	Cấn trừ công nợ	650.771	-
HA An Đông Meas	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cấn trừ công nợ	-	97.748.420
HA Attapeu	Công ty con	Cấn trừ công nợ	-	12.897.295
Công ty Cổ phần Le Me	Bên liên quan	Mượn tiền	-	12.075.567
HAQM Lào	Công ty con	Cấn trừ công nợ	-	6.004.587
HAG	Cổ đông lớn	Cấn trừ công nợ	-	2.100.000
TỔNG CỘNG			**594.327.748**	**1.078.367.473**
Phải trả dài hạn khác *(TM số 16)*				
HA Oyadav	Công ty con	Cấn trừ công nợ	169.437.850	275.660.734
Heng Brothers	Công ty con	Cấn trừ công nợ	32.043.913	37.235.308
HAG	Cổ đông lớn	Cấn trừ công nợ	21.999.385	21.999.386
HAQM Lào	Công ty con	Cấn trừ công nợ	-	90.012.570
TỔNG CỘNG			**223.481.148**	**424.907.998**
Vay ngắn hạn *(TM số 18.1)*				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay ngắn hạn	6.281.980.901	5.122.729.860
THILOGI	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay ngắn hạn	66.507.383	-
HAG	Cổ đông lớn	Vay ngắn hạn	35.485.457	35.485.456
			6.383.973.741	**5.158.215.316**
Vay dài hạn *(TM số 18.5)*				
HAG	Cổ đông lớn	Vay dài hạn	2.001.191.815	2.001.191.815

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Ngàn VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập*	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020*
HĐQT và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch từ ngày 8 tháng 1 năm 2021	-	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch từ ngày 8 tháng 1 năm 2021	-	78.000
Ông Đỗ Xuân Diện	Phó Chủ tịch đến ngày 8 tháng 1 năm 2021	-	72.000
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/Tổng Giám đốc từ ngày 18 tháng 3 năm 2021	-	60.000
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên/ Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên/Tổng Giám đốc cho đến ngày 18 tháng 3 năm 2021	-	834.000
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên cho đến ngày 8 tháng 1 năm 2021	-	619.080
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên cho đến ngày 8 tháng 1 năm 2021	-	60.000
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên cho đến ngày 26 tháng 6 năm 2020	-	60.000
Ban Kiểm soát			
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban từ ngày 8 tháng 1 năm 2021	-	-
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban cho đến ngày 8 tháng 1 năm 2021		
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	-	-
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên	-	-
TỔNG CỘNG		**-**	**1.783.080**

28. CAM KẾT QUAN TRỌNG

Cam kết bảo lãnh:

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đang dùng các quyền thuê đất của Công ty con để đảm bảo cho khoản trái phiếu của HAG, cổ đông lớn tại BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Gia Lai, chi tiết như sau:

(a) Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất bao gồm 4.852,74 ha cao su trên diện tích đất 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của HAQM Lào;

(b) Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất bao gồm 9.996,9 ha (trồng cao su) trên diện tích đất 9.996,9 ha, 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) trên diện tích đất 5.588 ha (trồng cao su) và 2.093,6 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu;

(c) Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất bao gồm 1.995,5 ha cao su trên diện tích đất 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Heng Brothers; và

(d) Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất bao gồm 3.283,66 ha cao su trên diện tích đất 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia, thuộc sở hữu của CRD.

Cam kết khác:

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính tổng hợp ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

(a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt Nam;

(b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường;

(c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường;

(d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường; và

(e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tố tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đườngtrước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và vào ngày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan thuế địa phương để xác định khoản nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh (nếu có) liên quan đến chuyển nhượng Nhóm Công ty Mía đường nêu trên.

29. ĐẠI DỊCH COVID 19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 23 tháng 7 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 13/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc dừng thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ và bổ sung vốn hoạt động kinh doanh. Theo đó, Công ty sẽ dừng kế hoạch chào bán dự kiến 741.446.105 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược là THAGRICO, trong đó bao gồm chào bán 550.000.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ và 191.446.105 cổ phiếu để bổ sung vốn hoạt động như đã công bố trước đây.

Ngoài ra, vào ngày 31 tháng 7 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 14/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc sẽ dùng các khoản phải thu từ việc thanh lý các khoản đầu tư cho THAGRICO với tổng số tiền là 6.030.198.265 ngàn VND để cấn trừ với các khoản nợ phải trả bao gồm các khoản nợ vay và các công nợ phải trả khác với THAGRICO. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty và THAGRICO đang trong quá trình làm việc để đang trong quá trình làm việc để thống nhất phương án xử lý các khoản công nợ phải thu và phải trả này giữa hai (2) công ty.

Ngoài các sự kiện nên trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Trương Thị Trúc Thiên Trang	Hồ Thị Tuyết Loan	Nguyễn Hoàng Phi
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 9 năm 2021